

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO Ở
CAMPUCHIA THỜI KÌ ANGKOR (802- 1434)**

(Tiếp theo kì trước)

DƯƠNG VĂN HUY^(*)

**III. MỘT SỐ TÔN GIÁO CHỦ ĐẠO
TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ- XÃ
HỘI KHMER**

Đạo Brahmana (Bàlamôn) đã có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hoá chính trị và xã hội Khmer thời kì này.

Các kết quả khảo cứu cho thấy, theo dấu chân của các thương nhân, thủy thủ, tăng lữ, v.v... đạo Brahmana đã được truyền bá đến Đông Nam Á cũng như Chân Lạp vào những thế kỉ đầu sau Công nguyên. Tinh thần cơ bản của tôn giáo này được thể hiện trong bộ kinh Veda coi thần Brama (*Brahma*) là chúa tể của muôn loài, là đấng tạo ra vạn vật trong vũ trụ đồng thời là cơ sở để tạo ra chế độ đẳng cấp Varna trong xã hội Ấn Độ. Chế độ này quy định giữa bốn đẳng cấp có rất nhiều sự khác biệt về vị thế đối với tôn giáo, trong quan hệ xã hội, địa vị luật pháp cũng như quan hệ hôn nhân.

Theo đó, đẳng cấp Brahmana được coi là sinh ra từ miệng của thần, là đẳng cấp tăng lữ, có nhiệm vụ nghiên cứu và giảng kinh Veda, chăm lo việc cúng tế và truyền thụ tri thức cho các đẳng cấp khác. Họ cũng là những người được nhận và phân phát của bố thí. Đẳng cấp Ksatria được coi là sinh ra từ cánh tay

của thần Brahma, gồm có giới quý tộc, vương công, võ sĩ, chiến binh có nhiệm vụ cai trị đất nước, bảo đảm an ninh. Họ cũng được nghiên cứu kinh Veda và tham gia vào các nghi lễ tôn giáo. Đẳng cấp Vaisya sinh ra từ bắp chân của Thần. Họ là những người lao động, nông dân, thợ thủ công, thương nhân. Họ cũng được tham gia vào một số nghi lễ, sinh hoạt tôn giáo. Trong khi đó, đẳng cấp Sudra được coi là sinh ra từ bàn chân của Thần. Họ là những người có địa vị xã hội thấp nhất, không được phép tham gia vào các nghi lễ, sinh hoạt tôn giáo và có trách nhiệm phải phục vụ ba đẳng cấp trên. Để duy trì chế độ đẳng cấp, khẳng định địa vị của giai cấp thống trị, giới quý tộc và tăng lữ Brahmana còn đặt ra bộ luật Manudharma để xác định về mặt pháp lí, địa vị bất bình đẳng của chế độ đẳng cấp Varna. Mặc dù có những hạn chế căn bản về xã hội nhưng trên phương diện triết học có thể thấy chế độ đẳng cấp Varna với việc coi tất cả bốn đẳng cấp (con người) đều được sinh ra từ thần Brahma (có chung một nguồn cội) là thể hiện một nhân sinh quan sâu sắc. Cách giải thích sự khác biệt giữa bốn đẳng cấp về địa vị

*. ThS., Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

kinh tế, xã hội và tôn giáo tuy có mang tư tưởng của thuyết “định mệnh” nhưng cũng cho thấy một quan điểm thực tiễn về hoạt động xã hội và năng lực khác biệt giữa các lớp người. Trên phương diện chính trị, xã hội chế độ đẳng cấp Varna được bảo đảm bằng luật Manudharma đã góp phần duy trì sự ổn định và trật tự xã hội đồng thời khẳng định rõ thân phận, trách nhiệm đối với từng đẳng cấp.

Đạo Brahmana chủ trương vạn vật tồn tại trong vũ trụ là vĩnh viễn, bất di bất dịch. Điều đó cũng có nghĩa rằng, địa vị xã hội của các đẳng cấp là bất di bất dịch. Brahmana còn chủ trương thuyết luân hồi và nghiệp báo cho rằng sau khi chết con người có thể mang một thân phận hay kiếp khác tốt đẹp hay thấp hèn hơn, điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào sự tu dưỡng của mỗi người lúc sống. Do vậy, Brahmana giáo khuyên người ta hướng thiện, làm điều thiện, có như vậy mới mong đạt đến một sự cải biến thân phận ở một kiếp sau tốt đẹp hơn.

Trong khoảng thế kỉ IX và X, đạo thờ thần Siva chiếm ưu thế. Vào thế kỉ XII, đạo thờ thần Vishnu đã đủ mạnh để kích thích người ta xây dựng các công trình lớn, mà điển hình là đền Angkor Vat. Nhưng đạo Phật bao giờ cũng có tín đồ, và vì tất cả các tôn giáo này đều du nhập từ bên ngoài vào nên chúng ta thấy nhất thiết phải duy trì lòng khoan dung đối với nhau. Hơn thế nữa, có nhiều sự hoà hợp giữa các tôn giáo bởi vì thuyết vật linh và thờ cúng tổ tiên vẫn tiếp tục là tôn giáo thực sự của đại chúng. Cũng trong đời sống xã hội, luật của Manu và các luật khác của đạo Bàlamôn được triều đình công nhận chính thức, nhưng nhân tố quyết định hầu hết mọi vấn đề là tục lệ có từ ngàn xưa.

Đã có sáu nhà vua trị vì trong suốt thế kỉ X và thành tích các triều đại của họ

chủ yếu là xây dựng các công trình. Chỉ có hai trong số họ là đáng lưu ý về những thay đổi chính trị. Jayavarman IV (928-942) đã tiếm ngôi và chinh phục Yasodharapura (Angkor) rồi sau đó bị đánh bật ra hoặc đã phải từ bỏ Angkor và xây dựng một thủ đô mới ở Koh Ker cách xa về phía đông bắc. Rajendravarman II (944-968) đã truất ngôi của Harshavarman II, con của kẻ tiếm quyền và chuyển thủ đô trở về Angkor và đây vẫn là kinh đô của người Khmer cho đến khi bị từ bỏ lần cuối cùng vào năm 1432. Đi kèm theo việc trở lại Yasodharapura là một nhiệm vụ tái thiết to lớn, và trong một tấm văn khắc nhà vua đã được ca ngợi do đã làm cho vùng này “trở lên nguy nga và duyên dáng bằng cách đã dựng lên ở đó những ngôi nhà được trang hoàng bằng vàng sáng loáng, các cung điện lấp lánh đá quý, giống cung điện của Mahendra trên trái đất”⁽¹⁾. Vua đã tiến hành xâm chiếm Champa năm 945 - 946 và một văn khắc của người Chăm công nhận Rajendravarman lấy một hình tượng vàng của Bhagavati ra khỏi đền Po Naga. Đức vua theo đạo thờ Siva, nhưng các văn khắc của người cho thấy rất nhiều tôn giáo và đức vua rất khoan dung đối với tôn giáo. Đạo Phật dưới triều vua Rajendravarman II đã nở rộ. Việc thờ cúng tổ tiên cũng ngày càng được hoà đồng với các đền thờ lớn hơn bao giờ hết.

Triều đại dài của Jayavarman V (968 - 1001) là một kỉ nguyên học vấn và có nhiều quan thượng thư xuất chúng. Khi mới lên ngôi, đức vua còn rất trẻ và thời gian vị thành niên của vua đã tạo điều kiện cho các triều đại gia đình Bàlamôn đóng vai trò lãnh đạo. Không có một triều đại Campuchia nào xuất sắc hơn về mặt

1. Xem trong D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, 1997, tr. 185.

học vấn. Một văn khắc viết: “Từ tất cả mọi phương hướng những người Bàlamôn nổi tiếng về sự uyên bác của họ, những người nắm được bản chất của khoa học Vedanta, trung thành với nhiệm vụ của mình, và rất giỏi về kinh Veda và triết Veda đã chào đón đức vua”.

Khoảng thế kỉ VIII, sau khi Hindu giáo xuất hiện ở Ấn Độ, tôn giáo này bắt đầu thay thế vị trí của Bàlamôn giáo, đấu tranh với Phật giáo và dần từng bước chi phối ảnh hưởng trong xã hội. Trong xu thế đó, Hindu giáo cũng từng bước được truyền bá đến Đông Nam Á. Các vị thần như Brahma, Vishnu, Siva trở thành các vị thần trung tâm và được nhiều người tôn kính. Mặc dù có những thiên năng khác biệt nhưng các vị thần đã hợp thành một thể thống nhất theo quan niệm “Tam vị nhất thể” (Trimurti). Ở một khía cạnh nào đó, quan niệm này tương đối gần gũi với thuyết Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh thần của Kitô giáo.

Điều đáng chú ý là, ở Campuchia thần Brahma chỉ là vị thần tượng trưng cho tinh thần tuyệt đối có ý nghĩa về mặt triết lí hơn là về mặt tôn giáo. Điều đó lí giải vì sao ít thấy có tượng thần Brahma thờ trong các đền chùa Khmer. Thần Vishnu là đấng sáng tạo ra vũ trụ, thường được thể hiện trong tư thế “thiên định” trong các bức chạm nổi ở đền Angkor. Khi Thần thức dậy tức là một kỉ nguyên vũ trụ mới bắt đầu, thế giới ra khỏi trạng thái hỗn độn để rồi trở lại trạng thái đó khi Thần “đi ngủ” trở lại. Cứ như vậy, vũ trụ chuyển động, luân hồi lúc tỉnh, lúc mê theo hơi thở và nhịp điệu của Thần. Mỗi khi Thần tỉnh dậy thì thường hiện thân hình người hay hình động vật (Avatars) ví như hình con cá trong truyền thuyết về nạn đại hồng thủy, hay hình tượng con rùa trong

truyền thuyết về lọ nước thần trường sinh bất tử (Amrita) chôn sâu dưới đáy biển. Phổ biến và có nhiều ảnh hưởng nhất trong đời sống tôn giáo của cư dân Khmer là thần Vishnu được thể hiện trong hình tượng một nhân vật có nghìn đầu và tám tay cưỡi chim thần Garuda đang đánh nhau với con quỷ Bana được thần Siva phù hộ. Bana phun ra một bức màn lửa để tự vệ nhưng chim thần Garuda đã hút nước sông Hằng phun vào bức màn lửa nên đã giành được chiến thắng. Thần Vishnu bèn xông lên định tiêu diệt quỷ Bana nhưng thần Siva đã xuất hiện, xin Vishnu tha cho con quỷ dữ.

Thần Siva đứng ngôi thứ ba trong “Tam vị nhất thể” (Trimurti). Siva cũng như thần Vishnu được người Khmer tin thờ rất mực. Siva là thần hủy diệt đồng thời cũng là thần sáng tạo bởi trong vũ trụ sự sống nảy sinh từ cái chết. Siva cũng là chủ trì tình dục, chủ trì sự sinh sôi, nảy nở của giống nòi. Ở Ấn Độ cũng như ở Campuchia thần Siva được hình tượng hóa bằng linh vật, Linga (*Phallus*), tượng trưng cho sức mạnh, quyền uy đầy nam tính đồng thời đó cũng là biểu tượng của sự sinh sôi, nảy nở, phát triển phồn thịnh. Đầu thời đại Angkor, sự sùng bái thần tượng Linga đồng nghĩa với sự sùng bái nhà vua. Do đó mà xuất hiện quan niệm về “Vua - Thần” (Deva-rajā). Tín ngưỡng tôn giáo này đã chi phối mạnh mẽ tư tưởng, tình cảm và tài nghệ của các nhà kiến trúc, điêu khắc thời đại Angkor. Bên cạnh đó, như đã trình bày ở trên, người Khmer cũng rất sùng bái hình tượng Harihara rất phổ biến ở thời Phù Nam và Chân Lạp. Sự kết hợp của hai vị thần Vishnu (Hari) và Siva (Hara) làm một pho tượng hai mặt bốn tay, hai tay bên phải là của Siva, một tay cầm tràng hạt, một tay cầm đinh ba còn hai tay bên trái là của Vishnu, một tay cầm tù và, một tay cầm chùy.

Ngoài ba vị thần chính nói trên, trên bộ thờ các vị thần của đạo Hindu còn có các thần Mặt Trời (Surya), thần Đại Dương (Varuna), thần Gió (Vayu), thần Mưa (Pasanya), thần Lửa (Anbi) và phổ biến hơn hết là thần Indra, tượng trưng cho sức mạnh và ánh sáng, thần giông tố và sấm sét, khi giận dữ thì nổi cơn lôi đình, khi bình tĩnh thì hiền hòa, khoan dung hết mực.

Có thể nói, sự hình thành và sự phát triển của tầng lớp tăng lữ Bàlamôn cao cấp nói trên đã khẳng định một điều là: mặc dù chức năng, nhiệm vụ, vai trò và nội dung hoạt động của các nhân vật này có khác nhau ở các giai đoạn khác nhau của lịch sử Angkor, nhưng họ đều là những vị giáo chủ có trách nhiệm lãnh đạo mọi hoạt động tôn giáo trong cả nước, đồng thời cũng là những vị đại thần thân cận nhất của nhà vua, những người thực sự đứng đầu bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế Khmer. Sự gia tăng liên kết giữa tầng lớp tăng lữ Bàlamôn với chính quyền cai trị được thắt chặt hơn bởi “những gia đình tăng lữ Bàlamôn thường liên kết với Hoàng gia, những cuộc hôn nhân giữa những người thuộc đẳng cấp Bàlamôn và đẳng cấp võ sĩ (Kshatriya) thường là phổ biến” và “những chức vụ tư tế của nhà vua, là người đứng ra làm chủ lễ tế Vua - Thần, là thầy dạy trong cung cho những hoàng tử trẻ tuổi, được dành cho những thành viên của một vài gia đình chức sắc tôn giáo lớn”⁽²⁾.

Bên cạnh đó, Phật giáo cũng là một trong những tôn giáo lớn quan trọng trong lịch sử Campuchia nói chung và có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống kinh tế - chính trị và văn hóa - xã hội Angkor nói riêng.

Phật giáo xuất hiện ở Ấn Độ thế kỉ VI trước Công nguyên và đến những thế kỉ đầu sau Công nguyên thì được truyền bá

đến Campuchia và các nước Đông Nam Á khác. Với chủ trương bình đẳng, bác ái, hành thiện, v.v... Phật giáo đã đáp ứng được nguyện vọng của đại đa số quần chúng trong việc tìm ra một con đường giải thoát cho các tín đồ. Trong quá trình thâm nhập, cùng với Phật giáo Tiểu thừa (Hinayana), Phật giáo Đại thừa (Mahayana) cũng đã có nhiều ảnh hưởng trong xã hội. Với chủ trương một con đường cứu vớt rộng, Phật giáo Đại thừa đã mở ra một con đường giải thoát mới, tạo thêm nhiều vận hội, nhân duyên mới cho các tín đồ ngoan đạo, những người hành thiện thực tâm tin theo Phật đến cõi Niết Bàn (Nirvana).

Theo quan niệm của các tín đồ Phật giáo, và người Khmer cũng có niềm tin như vậy, đứng đầu trong giới các vị Bồ Tát là Quan Thế Âm Bồ Tát. Đó chính là Đức Phật Lokeshvara du nhập vào Campuchia thế kỉ VIII và được người ta tôn thờ như các thần Siva, Vishnu. Hình tượng Đức Phật hay được thể hiện dưới dạng đứng hay ngồi trên tòa sen. Tiêu biểu trong số đó là tượng đức Phật trên ngọn chùa tháp Bayon cũng như trên các cổng ra vào đền Angkor Vat. Các điêu khắc Khmer tiêu biểu của thời đại Angkor đã tạo nên trên nền đá của các ngôi chùa tháp những gương mặt Đức Phật khổng lồ với nụ cười khoan dung, huyền bí nhưng cũng đầy viên mãn. Trong các làng xóm của nhân dân thì “mỗi một thôn hoặc có chùa hoặc có tháp”⁽³⁾, đa phần người dân đều theo đạo Phật.

Jayavarman VII đặc biệt đề cao đạo Phật Đại thừa. Ông muốn trở thành Phật, vị Bồ Tát, một “Đức Phật tương lai”.

2. G. Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nxb. Thế giới, 2008, tr. 220.

3. Chu Đạt Quan. *Chân Lạp phong thổ kí*, Nxb. Thế giới, 2006, tr. 54.

Có thể đây là sự ứng dụng lần đầu tiên vào tín ngưỡng Vua - Thần (Deva-*raja*). Những khuôn mặt khổng lồ với nụ cười hiền hậu bí hiểm tạc trên đá ở Bayon và trên bốn cổng lớn của Angkor Thom là biểu hiện của sự đồng nhất vua Jayavarman VII với Phật Quan Thế Âm Bồ Tát. Gắn liền với tôn giáo này, ông đã tiến hành xây dựng nhiều công trình kiến trúc. Đó là các đền thờ lớn ở kinh đô như Banteay Kdei, Ta Prohm, Preah Khă, Neak Peam, cùng với hồ tắm Srah Srang của hoàng gia ở phía Bắc Angkor. Đó là các công trình lớn ở địa phương như Ban Teay Chmar ở tây bắc, Vat Nokor ở Kompong Cham, Taprohm ở Bati, v.v... Nhưng, nổi bật hơn cả vẫn là Angkor Thom với đền Bayon ở giữa dãy tường thành vây quanh mỗi chiều 4km có đường hào nước dưới chân thành và 5 cửa lớn ra vào. Có 49 tháp tượng hình 4 mặt người mỉm cười trầm ngâm bí hiểm, một phong cách độc đáo của thời Jayavarman VII.

Đến quốc vương Sridravarman (cq: 1295-1307, Indravarman III?) lại tôn thờ Phật giáo Tiểu thừa và ngài là người đầu tiên dùng chữ Pali ghi chép đạo Phật (Sanskrit ghi chép đạo Hindu). Trong 12 năm trị vì của ngài, Campuchia thanh bình. Các vị tu sĩ Hindu giáo cũng được hưởng những ân huệ ngang hàng với sư sãi. Năm 1307, ngài thoái vị vào tu tại ngôi chùa giữa rừng. Thời kì này, nhân dân được giáo hóa đi theo đạo Phật Tiểu thừa dòng Mahavihara của người Sinhali. Các nhà sư người Môn đã đưa giáo huấn mới đó đến Miến Điện vào cuối thế kỉ XII. Sau đó nó đã lan sang các dân tộc người Môn ở lưu vực sông Menam, nơi mà đạo Phật Tiểu thừa đã có hàng thế kỉ. Vào giữa thế kỉ XIII nó đã lan theo phía bắc có người Thái sinh sống và theo sang phía đông nơi có người Khmer đang sinh sống.

Dòng Phật Tiểu thừa này đơn giản, không đòi hỏi có một tầng đoàn để duy trì các ngôi chùa đất tiền và nghi lễ phức tạp. Những người truyền giáo của đạo này là các nhà sư, chủ trương khổ hạnh, sống ẩn dật, thiên định và quyết tâm sống một cuộc đời nghèo khổ và tận tụy quên mình. Khác với hệ thống tôn ti ở kinh đô, các tu sĩ này có quan hệ trực tiếp với nhân dân và họ đã phá bỏ hoàn toàn quốc giáo cũ và tất cả những gì liên quan đến nó. Do sự đe dọa tinh thần của đạo Phật Sinhali, uy tín của nhà vua giảm đi, quyền lực thế tục của vua tan biến và vị Vua - Thần đã bị vứt khỏi bàn thờ⁽⁴⁾.

Vào cuối triều đại của Jayavarman VIII, Phật giáo Tiểu thừa đã trở thành tôn giáo ưu thế của nhân dân, điều này thể hiện rất rõ trong tường thuật của Chu Đạt Quan về các tôn giáo của Angkor. Ông viết rằng, mọi người đều tôn thờ Đức Phật mà ông gọi là các *chu-ku* (tiếng Xiêm là *chao-ku* có nghĩa là "ngài"); từ này được ông dùng để gọi các "*nhà sư cạo đầu, mặc áo vàng và để trần vai phải*", điều này cho thấy rõ đây là các nhà sư Tiểu thừa⁽⁵⁾.

Bên cạnh đó, thế giới tôn giáo của người Khmer còn có sự hiện hữu của các thần. Trong số đó thần Ganesa có mình người, đầu voi là thần tượng trưng cho trí thức và trí tuệ, thần Kama tượng trưng cho tình yêu và vẻ đẹp của sức trẻ, các thần hộ pháp (Devarapalas) bảo vệ đền chùa gồm ông Thiện (Devas) và ông Ác (Asuras). Ngoài ra còn có các vị nữ thần (Davatas) và các nàng tiên (Apsaras), các vũ nữ và nhạc công nhà trời (Gandharvas). Tất cả các vị thần này đều

4. D.G.E. Hall. *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, 1997, tr 202.

5. D.G.E. Hall. *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, 1997, tr 203.

được thể hiện rất sinh động trên các bức tranh chạm nổi của các đền chùa Angkor Thom và Angkor Vat⁽⁶⁾.

Động vật cũng có nhiều loại hóa thành thần trong tín ngưỡng của Hindu giáo. Ví như chim thần “Garuda” của thần Vishnu, rắn thần “Naga”, thần đất và thần nước giữ vị trí hàng đầu trong tín ngưỡng sùng bái vật tổ (tôtem) cổ xưa của người Khmer cổ. Theo đó các vua đầu tiên của Phù Nam đều tự hào là hậu duệ của các vị khai tổ Kaundinya và Soma, công chúa của vua xứ “Naga”. Các đời vua Chân Lạp cũng như các đời vua về sau của Campuchia cũng đều có chung niềm tin và quan niệm như vậy. Ở Campuchia đâu đâu người ta cũng thấy sự xuất hiện của rắn thần “Naga”. Rắn thần tạo thành các dãy lan can ở hành lang, xung quanh các sân gác, các bể hồ, hai bên các bậc thềm, các cầu, đường, các cổng ra vào nơi đền chùa và cung điện. Thần Vishnu thiên tọa trên mình rắn. Rắn quấn mình trên thân tượng thần Siva và Ganesa. Phật cũng ngồi trên mình rắn bảy đầu và bảy đầu rắn che ở bên trên như một cái tàn lọng. “Rắn thần hổ mang ngự trị khắp nơi trong nghệ thuật Khmer, thủy thần là hình ảnh trung tâm của tôn giáo đại chúng”⁽⁷⁾.

Theo sự đánh giá của G. Coedès, “Tôn giáo của các giai cấp lãnh đạo không bao giờ thống nhất. Vào thế kỉ IX và X, Siva giáo vượt trội, và chỉ đến thế kỉ XII, song song với những gì đã xảy ra ở Ấn Độ lúc ấy, Vishnu giáo mới trở nên khá mạnh để tạo ra những công trình xây dựng quan trọng, lớn lao của Angkor Vat. Về phần Phật giáo, tôn giáo này chưa bao giờ ngừng có những tín đồ theo đạo, và người ta sẽ thấy trong những thế kỉ sau những nhà vua lớn như Suryavarman I và nhất là Jayavarman VII đã chính thức bảo trợ

tôn giáo này. Sự khoan dung giữa các tôn giáo, đôi khi đi đến một sự dung hợp thực sự, được phản ánh trong điêu khắc và minh văn và không phải chỉ ở Campuchia, có thể được giải thích bằng ở ngay cấu trúc xã hội của miền ngoại Ấn Độ⁽⁸⁾. Như Sylvain Levi đã nhận xét rất đúng rằng: “Ở Đông Dương, ở quần đảo Nam Dương, sự gần gũi những tôn giáo Bàlamôn không hề đe dọa gì đến sự tồn tại của Phật giáo. Siva giáo, Vishnu giáo cũng như Phật giáo ở đây đều là những vật phẩm ngoại nhập, xa lạ với xứ sở. Các nhà vua triều đình, giới quý tộc có thể chấp nhận những tôn giáo đó như một nền văn hoá cao sang và tinh tế; nó không phải là một nền văn minh thấm sâu vào quần chúng nhân dân. Cuộc sống xã hội vẫn tiếp tục diễn tiến, không bận tâm gì đến luật Manu và những điều lệ Bàlamôn khác. Nhưng ở Ấn Độ thì khác, đạo Bàlamôn được củng cố vững chắc bởi trật tự xã hội, cái trước hoà nhập vào cái sau. Do đó đã xuất hiện sự khoan dung đối với đạo Phật, hiện tượng chưa từng có dấu vết ở Campuchia cho đến tận thế kỉ XIII, sau vương triều nhiệt thành sùng Phật của Jayavarman VII”⁽⁹⁾.

Một vài nhận xét kết luận

Trước hết, chúng ta cũng cần phải nhấn mạnh rằng tất cả các tôn giáo trên đây đã hòa hợp với tín ngưỡng bản địa

6. Về vấn đề này có thể tìm đọc trong Lawrence Palmer Briggs. *The Ancient Khmer Empire*, Issued as Volume 41, Part 1, of the Transaction of the American Philosophical Society, 1951.

7. D.G.E. Hall. *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, 1997, tr. 215.

8. G. Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nxb. Thế giới, 2008, tr. 221.

9. L. de la Vallée Poussin. *Dynasties et histoire de l'Inde*, tr. 334, dẫn theo Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nxb. Thế giới, 2008, tr. 221, 222.

của dân tộc Khmer. Theo đó, bất cứ một ông vua nào nếu như xây dựng chùa tháp Phật giáo thì dường như cũng xây dựng các đền tháp thờ Brahmana và Hindu giáo. Sự kết hợp hài hòa của các tín ngưỡng, tôn giáo là nét đặc trưng cơ bản trong đời sống tinh thần của người Khmer, đồng thời cũng là cơ sở trong chính sách khoan dung tôn giáo truyền thống của quốc gia Chân Lạp.

Bên cạnh đó, theo những nghiên cứu trên văn khắc, gắn liền với các miếu thờ tôn giáo có rất nhiều bằng chứng về tôn giáo nhà nước. Đạo Phật không còn chiếm vị trí ưu ái như thời đại Phù Nam. Đạo Hindu đã chiếm ưu thế, và đặc biệt việc thờ Linga của thần Siva là thực chất của tôn giáo triều đình. Các giáo phái chính thờ Harihara, Siva và Vishnu được thống nhất thành khối mà người ta nói đã xuất hiện lần đầu tiên trên các bia đá Badami và Mahavellipur ở xứ Pallava vào khoảng trước năm 450 sau Công nguyên là một điểm rõ rệt của thời kỳ này.

Ngoài ra có thể khẳng định, *sự kết hợp giữa vương quyền và thần quyền đã làm cho chính quyền quân chủ trở nên thiêng liêng hơn, và làm tăng thêm quyền lực chính trị của nhà vua Khmer.* Nhưng, trong các đền chùa người ta chỉ thờ những vị thần có tư chất thiêng liêng tuyệt đối, không bao giờ người ta thờ những vị vua chúa là những người chỉ mới có những biểu hiện của thần thánh mà thôi. Như vậy, rõ ràng tín ngưỡng tôn giáo “Deva-rajā” của người Khmer ở thời đại Angkor là một thứ tín ngưỡng có tính chất thực dụng nhằm củng cố chính quyền quân chủ chuyên chế trên cơ sở triết học thần bí.

Hơn nữa, những tục thờ cúng của người Ấn Độ và đặc biệt là tục thờ thần Siva, đã đánh dấu một khuynh hướng mà

nó được thể hiện nổi bật ở Ấn Độ và kết cục đã trở thành một tục sùng bái vương quyền. Bản chất của vương quyền, hay như một vài văn bia đã nói, “cái tôi tinh tế” của nhà vua, được coi như ngự trị trong một tượng dương vật- Linga đặt trên một kim tự tháp ở trung tâm hoàng thành được giả định là nằm trên trục của thế giới. Linga kì diệu này, một thứ tượng thần bảo trợ vương quyền, được coi như nhận từ thần Siva do một tầng lữ Bàlamôn đứng làm trung gian để trao cho nhà vua sáng lập vương triều. Sự giao cảm giữa nhà vua và thần linh với sự trung gian của một tầng lữ được thực hiện trên một ngọn núi thiên nhiên hoặc nhân tạo⁽¹⁰⁾.

Cuối cùng, cần nhấn mạnh một điểm trong đời sống tôn giáo của dân tộc Khmer là: tất cả những tín ngưỡng tôn giáo nói trên, từ sự sùng bái tôtem (Naga), một thứ tín ngưỡng xưa nhất của người bản xứ, cho đến đạo Bàlamôn và đạo Phật du nhập từ Ấn Độ sang, đều hoà hợp với nhau, không hề bài xích lẫn nhau trong thế giới quan của người Campuchia ngày nay cũng như người Khmer thời cổ. Bất cứ một ông vua Khmer nào trong lịch sử, dù theo tín ngưỡng hay tôn giáo nào, nếu xây dựng đền chùa cũng đều xây cả những chùa chiền nhà Phật và những đền đài thờ các thần của đạo Bàlamôn hay đạo Hindu. Sự kết hợp hài hoà của những tín ngưỡng tôn giáo đó là nét đặc trưng cơ bản của đời sống tinh thần của người Khmer, đồng thời cũng là cơ sở tư tưởng triết lí của chính sách khoan dung tôn giáo cổ truyền của các vua chúa Khmer⁽¹¹⁾.

10. G. Coedès. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nxb. Thế giới, 2008, tr. 190.

11. Phạm Việt Trung, Nguyễn Xuân Kỳ, Đỗ Văn Nhung. *Lịch sử Campuchia*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1982, tr. 67.